TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Kỳ Trung.

2. Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp L, xã P, thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp L, xã P, thị xã B, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:

Chị và anh Phan Văn H chung sống với nhau vào khoảng năm 2011, có tìm hiểu trước nên hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện B (nay là xã P, thị xã B), tỉnh Tây Ninh vào ngày 24-4-2012. Ngày làm lễ cưới gia đình anh H có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K nhưng hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng chị đã bán để làm ăn. Sau khi cưới vợ chồng chị về nhà của cha mẹ chồng chị tại: Ấp L, xã P, thị xã B sinh sống và làm ăn.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc và thường xảy ra cải nhau về chuyện kinh tế trong gia đình. Anh H có quen với người phụ nữ khác bên ngoài và chị có hỏi nhưng anh H im lặng mà không trả lời dẫn đến vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, anh H thường xuyên bỏ nhà đi làm cùng với người phụ nữ khác mà ít khi về nhà kể từ năm 2017 cho đến nay. Chị đã khuyên nhiều lần mà anh H vẫn không thay đổi tính tình nên năm 2017 chị bỏ về nhà cha mẹ của chị tại: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay và vợ chồng chị ly thân nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị không gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng chị đã không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 người con chung tên Phan Tấn K, sinh ngày 03-5-2011. Hiện cháu K đang sống với anh H nên chị đồng ý giao cho anh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự (trừ anh H), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Tấn K, sinh ngày 03-5-2011 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh H chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (nay là xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng). Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị C có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị C thì thấy: Mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc anh chị hay xảy ra cải nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình và anh H có quen với người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng chị C hỏi thì anh H lại im lặng mà không trả lời có đúng hay không và anh H lại bỏ nhà đi làm cùng với người phụ nữ khác mà ít khi về nhà từ năm 2017 cho đến nay. Chị C đã nhiều lần khuyên nhưng anh H vẫn không thay đổi tính tình nên năm 2017 chị C bỏ về nhà cha mẹ của chị C tại: Ấp 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay và vợ chồng chị C ly thân với nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân cho đến nay chị C và anh H vẫn không có gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Tòa án đã nhiều lần tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh H lại không đến, chứng tỏ anh H đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng mình mà không có thiện chí muốn được đoàn tụ gia đình với chị C. Xét thấy, hôn nhân của chị C và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phan Tấn K, sinh ngày 03-5-2011. Hiện cháu K đang sống với anh H nên chị C đồng ý giao cháu Khang cho anh Hiên được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, kể từ ngày ly thân cho đến nay cháu K đang sống với anh H và cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh H. Vì vậy, để đảm bảo về sự phát triển bình thường và không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu K nên Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho anh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H vắng mặt mà không có trình bày yêu cầu và chị C yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị C đối với anh Phan Văn H. Chị C được ly hôn với anh H.

2. Về con chung:

Giao cho anh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Tấn K, sinh ngày 03-5-2011. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số: 0015377 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Chi đã nộp xong tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CC.THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh